

Ninh Bình, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Số: 43/TB-THADS(6)

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014; 2018; 2020 và năm 2022);

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024);

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 28 tháng 04 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam và Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2025/KDTM-PT ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 23/QĐ-THADS và Quyết định thi hành án chủ động số 378/QĐ-THADS ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 03/QĐ-THADS(6) ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ kết quả thẩm định giá tài sản theo chứng thư thẩm định giá số 167/2025/1153-PD/CT ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Công ty cổ phần Giám định và Thẩm định giá Phương Đông;

Căn cứ Thông báo số 31/TB-THADS(6) ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình lựa chọn Công ty Đấu giá hợp danh Phúc Hưng, địa chỉ: Số 427 Bát Khôi, tổ 19, phường Long Biên, Hà Nội để ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã kê biên sau:

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy nhồi bông	Cái	1	75.000.000	75.000.000
2	Máy nhồi bông	Cái	1	75.000.000	75.000.000
3	Máy xối bông	Cái	1	95.000.000	95.000.000
4	Máy nhồi bông	Cái	1	55.000.000	55.000.000
5	Máy cắt khắc Lazer	Cái	2	185.000.000	370.000.000
6	Bộ chia gió bằng khí nén	Cái	2	1.350.000	2.700.000
7	Ống nhựa uPVC D200				
	L= 1,3m: 01 cái	Cái	1	35.000	35.000
	L= 1,6m: 01 cái	Cái	1	35.000	35.000
	L= 2,3m: 02 cái	Cái	2	50.000	100.000
8	Dây tụy ô thủy lực 1,2m	Cái	3	35.000	105.000

9	Cút uPVC D200	Cái	4	35.000	140.000
10	Quạt thông gió tường	Cái	72	235.000	16.920.000
11	Quạt hút nhồi bông	Cái	1	12.500.000	12.500.000
12	Bàn khung thép mặt gỗ công nghiệp (0,75x2,4)m	Cái	6	350.000	2.100.000
13	Bàn khung thép mặt gỗ công nghiệp (1,2x1,6)m	Cái	6	250.000	1.500.000
14	Vách ngăn cách loại	Cái	250	55.000	13.750.000
15	Giá Inox dài 1,2m có ổ điện	Cái	52	35.000	1.820.000
16	Máng bạt dài 1,2m	Cái	60	25.000	1.500.000
17	Cầu trục dầm đơn Palăng xích treo tải trọng 2 tấn. Khẩu độ 16m	Bộ	2	145.000.000	290.000.000
18	Máng cáp sơn tĩnh điện B200	m	210,7	45.000	9.481.500
19	Máng cáp sơn tĩnh điện B120	m	262,8	35.000	9.198.000
20	Ống nhựa uPVC D76	m	313,6	20.000	6.272.000
21	Ống nhựa uPVC D42	m	320	15.000	4.800.000
22	Ống nhựa uPVC D27	m	320	9.500	3.040.000
23	Ống nhựa uPVC D48	m	218,6	9.500	2.076.700
24	Ống nhựa uPPR D25	m	160	9.500	1.520.000
25	Ống nhựa uPPR D50	m	287,8	15.000	4.317.000
26	Khung giá đỡ thép hộp mạ kẽm 50x50x1,4 (mm)	m	32	45.000	1.440.000
27	Giá đỡ bằng thép hộp mạ kẽm 40x40x1,4	m	430,4	45.000	19.368.000
28	Băng truyền lắp ráp 20m (không động cơ)	Bộ	8	8.500.000	68.000.000
29	Bàn sắt mặt gỗ (1,2x3,4)	Cái	8	350.000	2.800.000
30	Bàn sắt mặt gỗ (1,2x1,2)	Cái	8	250.000	2.000.000
31	Bàn sắt mặt gỗ (80x1,6)	Cái	3	250.000	750.000
32	Bàn sắt mặt gỗ (1,2x2,4)	Cái	4	250.000	1.000.000
33	Bàn sắt mặt gỗ (1,2x1,2)	Cái	2	250.000	500.000
34	Dây truyền phun sơn không có tủ điện dài 15m	Bộ	6	15.000.000	90.000.000
35	Bàn lắp ráp thủ công khung thép, mặt gỗ công nghiệp (1,22x2,44)	Cái	10	750.000	7.500.000
36	Giá đỡ hàng bằng thép hộp mạ kẽm 20x20 KT: 0,8x0,36x0,58 (m)	Cái	207	15.000	3.105.000
37	Khung thép hộp mạ kẽm 40x40x1,4	m	178,4	45.000	8.028.000
38	Ống bạt D80 x 5,0m (Ống hút gió)	Cái	38	80.000	3.040.000
39	Hộp gió mạ kẽm - KT: 250x250	m	8	135.000	1.080.000
40	Hộp gió mạ kẽm - KT: 300x300	m	21	145.000	3.045.000
41	Hộp gió mạ kẽm - KT: 500x500	m	19	180.000	3.420.000
42	Hộp gió mạ kẽm - KT: 450x450	m	259	180.000	46.620.000
43	Hệ thống xử lý khí thải gồm: + 01 quạt gió 11Kw + 02 quạt gió 22Kw + 06 quạt gió 7Kw	Hệ	1	385.000.000	385.000.000

	+ 03 tháp xử lý vi sinh + 02 buồng xử lý than hoạt tính + 02 máy bơm nước phun sương 4kW + 01 máy bơm nước trực đứng 1,5Kw				
44	Khung thép bàn (không có mặt gỗ) thép sơn 25x25x1,4. - KT: 0,78x2,4 (m)	Cái	11	250.000	2.750.000
45	Khung thép bàn (không có mặt gỗ) thép sơn 25x25x1,4. KT: 0,78x1,2 (m)	Cái	7	250.000	1.750.000
46	Đèn treo	Cái	44	150.000	6.600.000
47	Tủ điện 1,8x0,9x0,8 (m) aptomat 1600A	Cái	1	15.000.000	15.000.000
48	Téc nước loại 1500l	Cái	2	1.500.000	3.000.000
49	Tấm làm mát	Tấm	11	65.000	715.000
50	Máy bơm	Cái	2	1.000.000	2.000.000
51	Mắt camera (không có đầu thu)	Chiếc	8	150.000	1.200.000
52	Điều hòa Daikin VRV 200.000BTU 2 chiều (giàn nóng trung tâm) -Model: RXYQ20AYM	Giàn	2	125.000.000	250.000.000
53	Mặt lạnh âm trần điều hòa Daikin -Model: FXFQ50AVM	Bộ	18	6.350.000	114.300.000
54	Điều hòa treo tường 1 chiều Funiki 9000BTU -Model: HSC09TMU.M6	Bộ	1	5.500.000	5.500.000
55	Tủ đựng tài liệu bằng gỗ công nghiệp; Kích thước:				
	2,6 x 3,3 (m)	Cái	1	250.000	250.000
	2,6 x 6,0 (m)	Cái	1	350.000	350.000
	2,6 x 3,3 (m)	Cái	1	250.000	250.000
	3,0 x 2,3 (m)	Cái	1	200.000	200.000
	2,85 x 7,8 (m)	Cái	1	400.000	400.000
	0,72 x 4,0 (m)	Cái	1	180.000	180.000
	2,6 x 4,2 (m)	Cái	1	300.000	300.000
	0,72 x 0,9 (m)	Cái	1	150.000	150.000
	2,7 x 3,3 (m)	Cái	2	250.000	500.000
	0,6 x 0,9 (m)	Cái	1	150.000	150.000
	0,63 x 3,3 (m)	Cái	2	180.000	360.000
	3,3 x 2,0 (m)	Cái	2	200.000	400.000
	3,0 x 2,6 (m)	Cái	1	200.000	200.000
56	Bàn làm việc khung thép, mặt gỗ công nghiệp. - KT: 0,6x1,2(m)	Cái	20	150.000	3.000.000
57	Ghế quày bar	Cái	9	70.000	630.000
58	Ghế chân quỳ (phòng họp)	Cái	20	80.000	1.600.000
59	Ghế xoay văn phòng	Cái	17	100.000	1.700.000
60	Ghế lãnh đạo	Cái	5	300.000	1.500.000
61	Bàn quày gỗ công nghiệp, mặt đá granite - KT: 0,96x4,8 (m)	Cái	1	5.000.000	5.000.000
62	Ghế Sofa đơn	Cái	2	1.500.000	3.000.000
63	Vách kính cường lực 12mm:				
	+ 0,14 x 2,7 (m)	Tấm	2	70.000	140.000

	+ 0,9 x 2,7 (m)	Tấm	3	450.000	1.350.000
	+ 0,82 x 2,7 (m)	Tấm	2	410.000	820.000
	+ 0,8 x 2,7 (m)	Tấm	2	400.000	800.000
	+ 0,92 x 2,65 (m)	Tấm	3	450.000	1.350.000
	+ 0,56 x 1,88 (m)	Tấm	1	200.000	200.000
	+ 0,51 x 0,84 (m)	Tấm	2	80.000	160.000
	+ 1,0 x 2,65 (m)	Tấm	6	490.000	2.940.000
	+ 0,3 x 2,65 (m)	Tấm	1	150.000	150.000
	+ 1,05 x 2,7 (m)	Tấm	2	530.000	1.060.000
	+ 0,32 x 2,0 (m)	Tấm	1	120.000	120.000
	+ 1,0 x 2,7 (m)	Tấm	8	500.000	4.000.000
	+ 0,98 x 2,7 (m)	Tấm	2	490.000	980.000
	+ 1,04 x 2,7 (m)	Tấm	8	520.000	4.160.000
	+ 1,27 x 2,7 (m)	Tấm	1	640.000	640.000
	+ 1,88 x 2,14 (m)	Tấm	1	750.000	750.000
	+ 0,56 x 0,84 (m)	Tấm	4	90.000	360.000
	+ 0,52 x 1,06 (m)	Tấm	2	100.000	200.000
	+ 0,14 x 2,7 (m)	Tấm	3	70.000	210.000
	+ 0,3 x 2,7 (m)	Tấm	1	150.000	150.000
	+ 1,05 x 2,63 (m)	Tấm	3	510.000	1.530.000
	+ 0,86 x 2,47 (m)	Tấm	3	400.000	1.200.000
	+ 1,02 x 2,63 (m)	Tấm	3	500.000	1.500.000
	+ 0,97 x 2,7 (m)	Tấm	2	490.000	980.000
	+ 0,94 x 2,7 (m)	Tấm	6	470.000	2.820.000
	+ 0,87 x 2,7 (m)	Tấm	3	440.000	1.320.000
	+ 0,14 x 2,7 (m)	Tấm	2	70.000	140.000
	+ 0,56 x 0,94 (m)	Tấm	1	100.000	100.000
	+ 0,54 x 1,88 (m)	Tấm	1	190.000	190.000
	+ 0,52 x 1,16 (m)	Tấm	1	110.000	110.000
	Cửa trượt cường lực các loại:				
64	+ 1,16 x 2,18 (m)	Cái	1	1.200.000	1.200.000
	+ 1,06 x 2,18 (m)	Cái	1	1.200.000	1.200.000
	+ 1,16 x 2,7 (m)	Cái	2	1.500.000	3.000.000
	+ 0,9 x 2,7 (m)	Cái	3	1.200.000	3.600.000
	+ 1,04 x 2,33 (m)	Cái	2	1.200.000	2.400.000
65	Cửa mở quay cường lực:				
	+ 0,94 x 2,14 (m)	Cái	1	1.200.000	1.200.000
	+ 0,94 x 2,16 (m)	Cái	2	1.200.000	2.400.000
	+ 0,94 x 2,14 (m)	Cái	2	1.200.000	2.400.000
	+ 0,84 x 2,14 (m)	Cái	4	1.200.000	4.800.000
	+ 0,94 x 2,14 (m)	Cái	2	1.200.000	2.400.000
	+ 0,8 x 2,14 (m)	Cái	2	1.200.000	2.400.000
66	Cửa nhôm kính xingfa ; KT: 0,93 x 2,68 (m)	Bộ	1	1.500.000	1.500.000

67	Cửa nhôm kính xingfa; KT: 1,5 x 2,68 (m)	Bộ	1	2.200.000	2.200.000
68	Cửa khung sắt, bịt tôn; KT: 1,86 x 0,8 (m)	Bộ	1	1.000.000	1.000.000
69	Rèm cuốn	Bộ	46	280.000	12.880.000
70	Rèm mảnh	Bộ	6	350.000	2.100.000
71	Chậu cây cảnh các loại	Chiếc	27	150.000	4.050.000
72	Điều hòa âm trần Nagakawa 28.000Btu 1 chiều - Model: NT-C28R1T20	Bộ	2	16.440.000	32.880.000
73	Quạt cây	Cái	2	150.000	300.000
74	Đèn treo	Cái	6	70.000	420.000
75	Vách ngăn	Cái	11	45.000	495.000
76	Cửa Xingfa; KT 1,05x2,15 (m)	Cái	1	2.980.000	2.980.000
77	Tủ đựng quần áo PCCC (trong đó có quần áo bảo hộ, mũ,...)	Chiếc	1	1.320.000	1.320.000
Tổng cộng					2.243.096.200
Làm tròn					2.243.096.000

Tổng giá khởi điểm (làm tròn) là: **2.243.096.000đ** (Hai tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu không trăm chín mươi sáu đồng).

Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn liên hệ với Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Ninh Bình để ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trên đúng theo quy định của pháp luật.

Vậy, thông báo để Công ty Đấu giá hợp danh Phúc Hưng và các bên đương sự biết./.

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử Cục QLTHADS; (để đăng tải)
- Trang thông tin điện tử THADS tỉnh Ninh Bình; (để đăng tải)
- Công thông tin điện tử Quốc gia về ĐGTS; (để đăng tải)
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình;
- Công ty đấu giá hợp danh Phúc Hưng; (để thực hiện)
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Hoàng Long